

Số: /QĐ-KHH

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-KHH ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự và Kiểm soát nội bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 199/QĐ-KHH ngày 12/12/2023 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001-2015.

Điều 3. Các phòng chuyên môn và Ban chỉ đạo ISO thuộc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN;
- Trưởng BCD ISO NHNN (để báo cáo);
- Văn phòng NHNN (để biết);
- Lưu: VT, Thư ký ISO.

Q.GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN CÔNG BỐ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA

Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KHH ngày tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Khánh Hòa, ngày tháng 12 năm 2024

Q.GIÁM ĐỐC

Đỗ Trọng Thảo

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001-2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KHH ngày tháng 12 năm 2024)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành/sửa đổi	Ghi chú
I. THỦ TỤC THEO MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG				
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	01/00	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01/01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001-2015	BMT	01/01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.CN42.HT.01	01/02	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.CN42.HT.02	01/01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ HTQLCL và xem xét của lãnh đạo	QT.CN42.HT.03	01/01	
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT.CN42.HT.04	01/01	
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1. Quy trình lĩnh vực Ngoại hối (NH-28)				
8.	Quy trình chấp thuận đăng ký đại lý chi trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.01	01/02	
9.	Quy trình chấp thuận đăng ký thay đổi, bổ sung, đại lý chi trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.02	01/02	
10.	Quy trình chấp thuận gia hạn Đại lý chi trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.03	01/02	
11.	Quy trình Cấp giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đối ngoại tệ	QT.CN42.NH.04	01/01	
12.	Quy trình Cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi Đại lý đối ngoại tệ	QT.CN42.NH.05	01/01	
13.	Quy trình xác nhận đăng ký khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương)	QT.CN42.NH.06	01/02	
14.	Quy trình xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh có kim ngạch vay đến 10 triệu USD (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương)	QT.CN42.NH.07	01/02	
15.	Quy trình đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh	QT.CN42.NH.08	01/02	

16.	Quy trình đăng ký thay đổi tài khoản truy cập Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh	QT.CN42.NH.09	01/02	
17.	Quy trình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng	QT.CN42.NH.10	01/02	
18.	Quy trình xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng	QT.CN42.NH.11	01/02	
19.	Quy trình cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác đối với doanh nghiệp kinh doanh casino	QT.CN42.NH.17	01/01	
20.	Quy trình cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác đối với doanh nghiệp kinh doanh casino	QT.CN42.NH.18	01/01	
21.	Quy trình chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác đối với doanh nghiệp kinh doanh casino	QT.CN42.NH.19	01/01	
22.	Quy trình đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	QT.CN42.NH.20	01/02	
23.	Quy trình điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	QT.CN42.NH.21	01/02	
24.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	QT.CN42.NH.22	01/01	
25.	Quy trình chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.23	01/02	
26.	Quy trình chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.24	01/02	
27.	Quy trình chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế	QT.CN42.NH.25	01/02	
28.	Quy trình xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí	QT.CN42.NH.26	01/01	
29.	Quy trình xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí	QT.CN42.NH.27	01/01	
30.	Quy trình cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia	QT.CN42.NH.28	01/01	
31.	Quy trình chấp thuận hoạt động xuất, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép	QT.CN42.NH.30	01/01	
32.	Quy trình Cấp giấy phép mang vàng khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài	QT.CN42.NH.31	01/01	
33.	Quy trình đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu	QT.CN42.NH.32	01/02	

	vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ			
34.	Quy trình đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập khẩu vàng nguyên liệu để tái sản xuất đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	QT.CN42.NH.33	01/02	
35.	Quy trình đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài	QT.CN42.NH.34	01/02	
2. Quy trình lĩnh vực hoạt động kho, quỹ (KQ-04)				
36.	Quy trình giám định tiền giả, tiền nghi giả	QT.CN42.KQ.01	01/03	
37.	Quy trình đề nghị giám định tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông	QT.CN42.KQ.02	01/03	
38.	Quy trình đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông do quá trình bảo quản đủ điều kiện đổi, không cần giám định	QT.CN42.KQ.03	01/02	
39.	Quy trình đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông do quá trình lưu thông và do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất	QT.CN42.KQ.04	01/02	
3. Quy trình lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng (HĐNH-80)				
40.	Quy trình cấp giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.01	01/04	
41.	Quy trình khai trương hoạt động quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.02	01/01	
42.	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký mới	QT.CN42.HĐNH.03	01/02	
43.	Quy trình thay đổi các thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.CN42.HĐNH.04	01/01	
44.	Quy trình chấp thuận thay đổi địa điểm/xác nhận thay đổi địa chỉ (không phát sinh thay đổi địa điểm) đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.05	01/02	
45.	Quy trình chấp thuận thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.06	01/02	
46.	Quy trình báo cáo về việc đổi tên phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.07	01/01	
47.	Thông báo điều kiện khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.10	01/01	
48.	Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.11	01/01	
49.	Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm) của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.12	01/01	
50.	Thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch	QT.CN42.HĐNH.13	01/01	

	của quỹ tín dụng nhân dân			
51.	Thay đổi tên phòng giao dịch quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.14	01/01	
52.	Khai trương hoạt động phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.15	01/01	
53.	Chấp thuận thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.16	01/01	
54.	Quy trình thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của ngân hàng Hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.17	01/01	
55.	Quy trình thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.18	01/01	
56.	Quy trình thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.19	01/01	
57.	Quy trình thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở) của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.20	01/02	
58.	Quy trình thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.21	01/02	
59.	Quy trình khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.22	01/01	
60.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.23	01/01	
61.	Quy trình thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện	QT.CN42.HĐNH.24	01/01	
62.	Thông báo thay đổi tên chi nhánh/phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.26	01/01	
63.	Thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.27	01/01	
64.	Thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô	QT.CN42.HĐNH.28	01/01	
65.	Chấp thuận tăng mức vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.29	01/01	
66.	Chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên (trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng) của ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.30	01/01	
67.	Chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung gia hạn thời hạn hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.31	01/01	
68.	Chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội	QT.CN42.HĐNH.32	01/01	

	dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài			
69.	Quy trình chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ngân hàng nước ngoài và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.33	01/02	
70.	Quy trình chấp thuận thay đổi tên và sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.34	01/01	
71.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện	QT.CN42.HĐNH.35	01/03	
72.	Quy trình xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm	QT.CN42.HĐNH.36	01/02	
73.	Quy trình thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trụ sở chính của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	QT.CN42.HĐNH.38	01/01	
74.	Quy trình gia hạn thời hạn thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.39	01/01	
75.	Quy trình chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.40	01/04	
76.	Đề nghị tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.41	01/01	
77.	Đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.42	01/03	
78.	Chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.43	01/01	
79.	Chấp thuận thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.44	01/02	
80.	Chấp thuận thay đổi địa chỉ (không thay đổi địa điểm) đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.45	01/02	
81.	Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.46	01/02	
82.	Chấp thuận thay đổi tên của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.47	01/02	
83.	Thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.48	01/01	
84.	Quy trình Sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt	QT.CN42.HĐNH.49	01/01	
85.	Quy trình Đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.50	01/02	
86.	Quy trình Chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.51	01/02	
87.	Quy trình thông báo thay đổi tên chi nhánh; tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.52	01/01	

88.	Quy trình Thông báo khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô	QT.CN42.HĐNH.55	01/01	
89.	Quy trình Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.56	01/01	
90.	Quy trình thu hồi Giấy phép của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.57	01/01	
91	Quy trình chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.58	01/01	
92.	Quy trình chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.59	01/01	
93.	Quy trình báo cáo về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.61	01/01	
94.	Quy trình báo cáo về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.62	01/02	
95.	Quy trình báo cáo về việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.63	01/02	
96.	Quy trình báo cáo về việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.64	01/01	
97.	Quy trình Báo cáo về việc khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.66	01/01	
98.	Quy trình Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.67	01/01	
99.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	QT.CN42.HĐNH.68	01/01	
100.	Quy trình Thông báo khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô	QT.CN42.HĐNH.69	01/01	
101.	Quy trình thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô	QT.CN42.HĐNH.70	01/02	
102.	Quy trình Chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch	QT.CN42.HĐNH.71	01/01	

103.	Quy trình gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.72	01/01	
104.	Quy trình thông báo danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.73	01/01	
105.	Quy trình chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	QT.CN42.HĐNH.74	01/01	
106.	Quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoạt động trước khi Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành	QT.CN42.HĐNH.75	01/02	
107.	Quy trình đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố	QT.CN42.HĐNH.76	01/01	
108.	Quy trình sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam	QT.CN42.HĐNH.77	01/01	
109.	Quy trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc thẩm quyền thu hồi Giấy phép của Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.CN42.HĐNH.78	01/02	
110.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại	QT.CN42.HĐNH.79	01/01	
111.	Quy trình thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.80	01/02	
112.	Quy trình thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	QT.CN42.HĐNH.81	01/01	
113.	Quy trình tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi NH	QT.CN42.HĐNH.82	01/01	
114.	Thủ tục phê duyệt Phương án xử lý để đảm bảo đáp ứng các điều kiện được hoạt động liên xã; chấm dứt hoạt động tại các xã liên kề, không liên kề của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.83	01/00	
115.	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi hoàn thành phương án xử lý đã được phê duyệt để chấm dứt hoạt	QT.CN42.HĐNH.84	01/00	

	động tại các xã liền kề, không liền kề, xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
116.	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân do chia, tách, thay đổi tên địa giới hành chính	QT.CN42.HĐNH.85	01/00	
117.	Thủ tục thu hẹp địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân	QT.CN42.HĐNH.86	01/00	
118.	Thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân do thu hẹp địa bàn hoạt động	QT.CN42.HĐNH.87	01/00	
119.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.CN42.HĐNH.88	01/00	
4.Quy trình lĩnh vực thanh toán (TT-02)				
120.	Quy trình mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	QT.CN42.TT.01	01/03	
121.	Quy trình đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	QT.CN42.TT.02	01/01	
5.Quy trình lĩnh vực khác (K-02)				
122.	Quy trình tặng thưởng Tập thể Lao động xuất sắc	QT.CN42.K.01	01/00	
123.	Quy trình tặng thưởng Giấy khen của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố	QT.CN42.K.02	01/00	
III. QUY TRÌNH QUẢN LÝ NỘI BỘ (NB-10)				
124.	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT.CN42.NB.01	01/04	
125.	Quy trình Tổ chức Hội nghị, Hội thảo	QT.CN42.NB.02	01/02	
126.	Quy trình tiếp nhận và trả hồ sơ TTHC	QT.CN42.NB.03	01/02	
127.	Quy trình lập, hoàn thiện hồ sơ và chỉnh lý tài liệu nộp lưu trữ	QT.CN42.NB.04	01/03	
128.	Quy trình thu chi tại quầy kho quỹ	QT.CN42.NB.05	01/02	
129.	Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng	QT.CN42.NB.07	01/04	
130.	Quy trình tổ chức kiểm tra kiểm soát nội bộ	QT.CN42.NB.08	01/02	
131.	Quy trình xây dựng chương trình công tác của lãnh đạo	QT.CN42.NB.09	01/01	
132.	Quy trình thanh lý tài sản	QT.CN42.NB.10	01/02	
133.	Quy trình thay đổi thông tin liên quan tài khoản thanh toán và nộp rút tiền mặt qua lệnh thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tại ngân hàng nhà nước	QT.CN42.NB.11	01/02	